

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2021

V/v: “*Yêu cầu tuyên bố không công
nhận quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thọ
2. Ông Trần Đình Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 142/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10-5-2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1973 (có mặt).

Trú tại: Tổ 17, ấp Phước Hữu, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1973 (có mặt).

Trú tại: Tổ 17, ấp Phước Hữu, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. *Tại đơn khởi kiện ngày 09-4-2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Năm 1990, ông Trần Văn T và bà Võ Thị Ngọc H tự nguyện chung sống có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình nhưng vì thiếu hiểu biết pháp luật nên ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian dài và chỉ mới phát sinh mâu thuẫn khoảng 3 năm nay, nguyên nhân là do bà H không còn quan tâm chăm sóc cho gia đình nên giữa ông bà thường xuyên xảy ra bất đồng cãi vã và không còn tin tưởng lẫn nhau. Trong những lúc xảy ra mâu thuẫn ông T nóng giận và có đánh đập bà H. Từ đó, dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt không còn yêu thương tôn trọng nhau. Mâu thuẫn kéo dài ông bà cũng đã cố gắng níu kéo để hàn gắn nhưng đến nay do không thể

sống chung với nhau được nữa nên ông T có đơn yêu cầu tuyên bố ông và bà H không phải là vợ chồng để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà H có 02 con chung là Trần Thị Tố H, sinh năm 1993 và Trần Thị Tú Q, sinh năm 1995. Các con chung hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông T xác định ông bà sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác nhận ông bà không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đã nêu ở trên.

[2]. Tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị Ngọc H trình bày:

Bà H đồng ý với lời khai của ông về thời gian chung sống, con chung và mâu thuẫn vợ chồng. Bà H xác nhận trong quá trình chung sống giữa bà và ông T có xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày và trong việc quản lý sử dụng tiền bạc, cả hai không có sự tin tưởng lẫn nhau. Vì thế ông bà không tìm được tiếng nói chung và liên tục mâu thuẫn chồng mâu thuẫn. Mặc dù vẫn còn chung sống nhưng giữa ông bà không còn tình cảm yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì tình cảm không còn nên bà H cũng đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông T có 02 con chung là Trần Thị Tố H, sinh năm 1993 và Trần Thị Tú Q, sinh năm 1995. Các con chung hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận bà và ông T đã tự thỏa thuận xong về tài sản và không có khoản nợ chung nào.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên ý kiến như nêu trên.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng

dân sự. Về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên nhưng ông T vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà H. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà H.

- Về con chung: Đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu.

- Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Văn T có đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, bị đơn bà Võ Thị Ngọc H hiện đang cư trú tại thành phố Bà Rịa nên tranh chấp nói trên được xác định là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Võ Thị Ngọc H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Nên quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn T và bà Võ Thị Ngọc H là không hợp pháp. Cả ông T và bà H cùng thừa nhận giữa ông bà đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều điểm không hoà hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến ông bà thường xuyên cãi vã, nghi ngờ lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn khi cả hai không còn tôn trọng, yêu thương nhau. Tình cảm ngày càng rạn nứt, cuộc sống không có hạnh phúc, không còn quan tâm lo lắng cho nhau, mỗi người tự lập cuộc sống riêng của mình. Tòa án đã động viên hòa giải để ông bà bỏ qua mâu thuẫn để tiếp tục chung sống và làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng cả ông T và bà H cùng xác định không còn tình cảm gì với nhau và không thể tiếp tục chung sống.

Tại phiên tòa cả ông T và bà H cùng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật và không thể hàn gắn nên cùng đồng ý yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận

quan hệ vợ chồng. Do ông T và bà H chưa đăng ký kết hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên xử chấp nhận yêu cầu của ông T, không công nhận ông T và bà H là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung là Trần Thị Tố H, sinh năm 1993 và Trần Thị Tú Q, sinh năm 1995. Các con chung hiện đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Cả ông T và bà H cùng xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Ông T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn T và bà Võ Thị Ngọc H là vợ chồng.

- Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung là Trần Thị Tố H, sinh năm 1993 và Trần Thị Tú Q, sinh năm 1995. Các con chung hiện đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2020/0003643 ngày 19-4-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, ông T đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-5-2021) đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TPBR;
- Chi cục THADS TPBR;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Anh

